

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 5- 2023

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: ông Vi Văn Mạnh và ông Hà Ngọc Lĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hậu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hà - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 20/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023;

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1993

Địa chỉ: khu G, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (có mặt)

Bị đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1984

Địa chỉ: khu G, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị S trình bày:

- Chị Nguyễn Thị S và anh Đỗ Văn T kết hôn ngày 17/8/2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T rượu chè cờ bạc, không quan tâm đến gia đình và công việc. Bên cạnh đó chị và anh T đã kết hôn với nhau từ rất lâu nhưng vẫn chưa có con nên mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị S và anh T đã sống ly thân từ tháng 4/2022 cho đến nay. Chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh S.

- Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ) và công sức, ruộng đất nông nghiệp: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh **Đỗ Văn T** trình bày:

Anh và chị **Nguyễn Thị S** kết hôn vào ngày 17/8/2012 tại **UBND xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ** như chị **S** đã trình bày. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống tại **kh. G, xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ**. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Trong thời gian chung sống cũng có những lúc xảy ra mâu thuẫn nhưng không đến mức phải ly hôn. Nay chị **S** xin ly hôn, anh **T** có quan điểm không nhất trí ly hôn chỉ mong muốn hai vợ chồng về đoàn tụ với nhau.

- Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ) và công sức, ruộng đất nông nghiệp: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Chị **S** (nguyên đơn) thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; anh **T** (bị đơn) chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng (không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa).

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử cho chị **Nguyễn Thị S** được ly hôn anh **Đỗ Văn T**.

+ Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ), công sức: không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu

+ Về án phí: Chị **Nguyễn Thị S** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị S** và anh **Đỗ Văn T** là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh **T** có hộ khẩu thường trú tại **xã S, huyện T, tỉnh Phú Thọ** nên vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh **Đỗ Văn T** được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do, vì vậy HĐXX căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh **T** là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị **Nguyễn Thị S** và anh **Đỗ Văn T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **S**, huyện **T**, tỉnh Phú Thọ ngày 17/8/2012 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị **S** và anh **T** có những bất đồng quan điểm sống. Qua việc xác minh ý kiến của Chính quyền địa phương cũng như từ khu dân cư cho biết quá trình chị **S** và anh **T** xảy ra mâu thuẫn và xin ly hôn, chính quyền địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh chị không đề nghị hòa giải ở cơ sở, đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật trên cơ sở bảo vệ quyền lợi của phụ nữ.

Anh **S** cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, tuy nhiên hiện nay chị **S** và anh **T** không còn chung sống với nhau, đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Quá trình Tòa án báo gọi anh **T** đến Tòa án để thực hiện thủ tục hòa giải nhưng anh **T** cố tình vắng mặt, không tham gia hòa giải. Điều đó chứng tỏ việc anh **T** xin đoàn tụ là chưa thật tâm. Có thể thấy tình cảm vợ chồng chị **S** và anh **T** không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét nên xử cho chị **S** được ly hôn anh **T** là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung, tài sản chung, công nợ, công sức: hai bên không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị **Nguyễn Thị S** có nghĩa vụ nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Đỗ Văn T.

[2]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003659 ngày 06/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Chị S đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Nguyễn Thị S có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Đỗ Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện Thanh Ba;
- Các Đương sự;
- Chi cục THADS h Thanh Ba;
- UBND xã Sơn Cương
- Lưu HS; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Hà Thanh Loan

